

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-5-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hoàng Lâm.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị **Ngô Thị Thùy L**, sinh ngày 07/6/2003. Địa chỉ cư trú: **ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**. Có mặt.
- Bị đơn:** Anh **Lâm Phương N**, sinh ngày 01/01/1993. Địa chỉ cư trú: **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

**Nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy L, trình bày:** Chị và anh **N** cưới nhau vào ngày 23-24/4/2020. Hôn nhân do mai mối, mẹ ruột chị nói nếu chị không đồng ý kết hôn với anh **N** thì mẹ chị đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đồng ý kết hôn với anh **N**, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Sau khi cưới thì vợ

chồng sống cùng gia đình anh N. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do chị và mẹ chồng sống không hợp nhau, mẹ chồng chị khó tính, chị làm gì mẹ chồng cũng không hài lòng, mẹ chồng chị còn nói “10 con dâu như mày tao còn cưới được”, khi chị và mẹ chồng cự cãi nhau, chị có nói cho anh N nghe nhưng anh N không nói chính kiến của mình, không nói ai đúng ai sai để bảo vệ chị. Khi chị sinh con hơn 01 tháng thì anh N đánh chị, từ trước đến nay anh N đánh chị 5 lần. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung mỗi lần chị và anh N nói chuyện điện thoại thì anh N ghi âm lại, rồi mở (phát) lại cho cha mẹ chồng nghe để bắt lỗi chị. Anh N còn nói với mẹ ruột chị là năn nỉ 03 lần mà chị không về thì không năn nỉ nữa và còn thách thức chị ly hôn, anh N sẽ ký tên. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh N không còn sống chung từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Phương Nong Nam.

Bị đơn anh Lâm Phương N, trình bày: Anh và chị L cưới nhau vào năm 2021, không nhớ ngày tháng, hôn do mai mối và sau đó anh và chị L có tìm hiểu, quen biết khoảng 01 năm mới tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình anh. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Vào ngày 26/02/2023 thì chị L tự động bỏ về nhà cha ruột ở, cha mẹ ruột anh có gọi điện hỏi chị L vì sao bỏ đi, thì chị L nói mẹ chồng khó quá, ở không được, anh có hỏi chị L mẹ anh khó như thế nào thì chị L không trả lời được, trước khi chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thì chị L đã có ý định ly hôn với anh, do đó không phải lỗi do mẹ anh khó tính, do chị L nói với người khác giới anh không phải là chồng chị L nên trong lúc tức giận anh có đánh chị L nhưng sau đó anh có năn nỉ và xin lỗi chị L. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị L không còn sống chung từ tháng 02/2023 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau, anh cũng có chở chị L đi ăn uống, anh có hỏi chị L vì sao nộp đơn ly hôn thì chị L cũng không trả lời. Anh cũng bàn tính vợ chồng ra ở riêng nhưng chị L cũng không đồng ý, còn anh thì không thể nào ở bên gia đình vợ, vì gia đình anh không có ai, ông bà cha mẹ chỉ có một mình anh là con, cháu. Đồng thời, bên gia đình anh có công ăn việc làm. Mục đích khi nói chuyện điện thoại với chị L anh có ghi âm là để anh ghi nhớ chị L nói gì với anh, do chị L nói chuyện không giữ lời và nói không đúng sự thật, anh không có mở lại (phát) nội dung anh ghi âm cuộc nói chuyện với chị L cho cha mẹ ruột anh nghe nhưng anh có kể lại cho cha mẹ anh nghe, chị L đã nói những gì với anh, vợ chồng đang nói chuyện bình thường chị L cũng đề nghị ly hôn với anh và anh có thông báo cho gia



đình vợ, đề khuyên chị **L** đừng ly hôn với anh nhưng chị **L** vẫn đề nghị ly hôn. Anh có nói với chị **L** nếu muốn ly hôn thì giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh mới đồng ý ký tên ly hôn, theo anh biết là chị **L** ly hôn là do nghe lời người khác. Nay chị **L** yêu cầu ly hôn thì anh không thống nhất ly hôn, vì còn thương chị **L**, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn lắm dẫn đến ly hôn và anh không có lỗi với chị **L**. Nếu chị **L** thống nhất giao con chung **Gia H** cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn.

## 2. Về nuôi con chung:

*Nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy L, trình bày:* Chị và anh **N** chung sống có một con chung, là con gái tên **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021 hiện đang sống cùng anh **N** từ khi chị và anh **N** không còn sống chung với nhau. Hiện chị đang làm tại **công ty O, huyện C, tỉnh An Giang**, lương trung bình mỗi tháng 7.000.000đ, chị mới đi làm, chưa lãnh lương, nhưng chỗ chị làm gần nhà nên chi phí ăn uống không tốn kém bao nhiêu, còn tiền xăng thì Công ty hỗ trợ. Anh **N** làm ruộng, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu tiền không biết, vì làm chung với gia đình. Khi chị về nhà cha mẹ ruột ở, chị có đem con chung **Gia H** theo, có một lần anh **N** qua thăm, nói rước con chung **Gia H1** về nhà nội chơi nhưng không trả, sau đó thì chị qua rước con chung **Gia H1** về nuôi dưỡng thì anh **N** và cha chồng không cho, nếu được giao con chung cho chị nuôi dưỡng thì mẹ chị sẽ phụ chị chăm sóc con chung **Gia H1**, hiện mẹ ruột chị 41 tuổi, không có chăm sóc người cháu nào khác. Mẹ chồng chị hơn 50 tuổi, cũng chỉ có một mình **Gia H1** là cháu nội. Khi con chung ở cùng anh **N** cũng được chăm sóc tốt nhưng chị không đồng ý giao con chung cho anh **N** nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

*Bị đơn anh Lâm Phương N, trình bày:* Anh và chị **L** sống chung có một con chung như chị **L** trình bày, khi chị **L** về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì có đem con chung **Gia H** theo, anh có đến rước con chung về chơi được hai lần và trả đúng hẹn, đến lần thứ 3 thì chị **L** nghe lời người ngoài, yêu cầu ly hôn với anh nên anh không trả con chung **Gia H1** lại cho chị **L** và giữ nuôi dưỡng cho đến nay, chị **L** có đến gia đình anh để bắt con chung lại nhưng gia đình anh không cho, vì sợ giao con chung không biết chị **L** đem đi đâu. Hiện anh sống chung với gia đình, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu tiền không tính được, vì làm chung với gia đình, khi anh và chị **L** còn sống chung thì chi phí sinh hoạt gia đình, cũng như con chung đều do anh và gia đình anh lo, chị **L** chỉ làm nội trợ, còn anh làm 05 công đất riêng, mỗi vụ được 10.000.000đ, nếu có làm thuê thêm, có tiền anh đưa cho chị **L** quản lý. Anh không thống nhất giao con chung **Gia H1** cho chị **L** nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung **Gia H1** và tự nguyện không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con.

## 4. Về chia tài sản chung:

- Nguyên đơn chị **Ngô Thị Thùy L**, trình bày: Khi chị làm đơn khởi kiện cũng như khi Tòa án hòa giải thì chị trình bày, chị là anh **N** chung sống không có tài sản chung, vì 11 chỉ vàng cưới 24kra anh **N** sở hữu, vợ chồng chị không tranh chấp, đã tự thỏa thuận chia xong nên nghĩ tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Lâm Phương N**, trình bày: Anh và chị **L** chung sống có vàng cưới, là 11 chỉ vàng 24kra đã cố đất làm, tiền và vàng 18kra nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu và anh đã thống nhất, cho chị **L** sở hữu vàng 18kra, còn anh sở hữu vàng 24kra, tài sản chung vợ chồng anh đã tự thỏa thuận chia xong, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

5. Về nợ chung: Chị **L** và anh **N** thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **L**, cho chị **Ngô Thị Thùy L** được ly hôn với anh **Lâm Phương N**. Về nuôi con chung: Giao con chung **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021 cho chị **L** nuôi dưỡng, anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị **L** tự nguyện không yêu cầu, tài sản chung đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị **Ngô Thị Thùy L** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh **Lâm Phương N**. Hiện anh **N** đang cư trú tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.



[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị **Ngô Thị Thùy L** và anh **Lâm Phương N** được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 04/5/2022 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **Ngô Thị Thùy L** và anh **Lâm Phương N** đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay và vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho chị **L**, anh **N** được đoàn tụ thì chị **L** vẫn cương quyết ly hôn. Anh **N** không đồng ý ly hôn, cho rằng còn thương chị **L** nhưng nếu chị **L** giao con chung **Gia H1** cho anh **N** nuôi dưỡng thì anh **N** thống nhất ly hôn. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị **L**, anh **N** không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **N** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Ngô Thị Thùy L** được ly hôn với anh **Lâm Phương N** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Chị **L**, anh **N** đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **L**, anh **N** đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung như điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Gia Hân của anh **N** là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì con chung **Gia H1** hiện dưới 36 tháng tuổi. Anh **N** cũng không có chứng cứ chứng minh chị **L** không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Gia Hân của anh **N**. Nghĩ nên giao con chung **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021 cho chị **L** được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Lâm Phương N** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **L** tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **N** theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Chị **L**, anh **N** thống nhất trình bày, tài sản chung anh chị đã tự thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về nợ chung: Chị **L**, anh **N** thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị **Ngô Thị Thùy L** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004318 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Ngô Thị Thùy L**. Cho chị **Ngô Thị Thùy L** được ly hôn với anh **Lâm Phương N**.

2. Về việc nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị **Ngô Thị Thùy L**, về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021.

2.1 Giao con chung **Lâm Phương Gia H1**, sinh ngày 16/8/2021 cho chị **Ngô Thị Thùy L** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh **Lâm Phương N** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **L** tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Sau khi ly hôn, anh **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **N**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Ngô Thị Thùy L** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004318 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 5 năm 2023).

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Lệ N1 – Nguyễn Hoàng Lâm Nguyễn Thị Thùy D**